

Số: /GPMT-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2024

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ kết quả cuộc họp Tổ phản ứng nhanh để tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp ngày 04/12/2024;*

*Xét nội dung Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp Nha Bích - giai đoạn 1 tại xã Nha Bích, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước do Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ CTCP làm chủ đầu tư đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 750/CV-TL ngày 02/11/2024;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 313/TTr-STNMT ngày 13/11/2024 và Công văn số 3539/STNMT-CCBVMT ngày 19/11/2024.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ CTCP (sau đây gọi là Chủ dự án; địa chỉ: Số 63, đường Yersin, phường Hiệp Thành, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Xây dựng kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp Nha Bích - giai đoạn 1 tại xã Nha Bích, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (sau đây gọi là Dự án) với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của dự án đầu tư:**

**1.1.** Tên dự án đầu tư: Xây dựng kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp Nha Bích - giai đoạn 1.

**1.2.** Địa điểm hoạt động: Ấp 6, xã Nha Bích, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

**1.3.** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần: Mã số danh nghiệp 3700146458 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 01/7/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 06/8/2020.

**1.4.** Mã số thuế: 3700146458.

**1.5.** Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, gồm các ngành nghề được phép thu hút vào cụm công nghiệp theo Quyết định số 1733/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của UBND tỉnh về việc thành lập Cụm công nghiệp Nha Bích, huyện Chơn Thành (nay là thị xã Chơn Thành), tỉnh Bình Phước và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 1231201384 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp, chứng nhận lần đầu ngày 16/12/2020, chứng nhận thay đổi lần thứ hai ngày 06/8/2024, cụ thể như sau:

Thu hút đầu tư các ngành nghề chế biến nông, lâm sản; chế biến gỗ; chế biến thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản; chế biến thực phẩm, nước giải khát; sản xuất vật liệu xây dựng; cơ khí chế tạo máy; linh kiện điện tử; sản xuất giấy, bao bì; các ngành công nghiệp hỗ trợ.

Lưu ý: Đối với các ngành công nghiệp hỗ trợ, Chủ dự án thực hiện theo đúng yêu cầu tại Công văn số 805/SCT-CN ngày 07/5/2024 của Sở Công Thương. Đối với các ngành nghề có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (trừ ngành linh kiện điện tử do đã được quy định tại Quyết định số 1733/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của UBND tỉnh), Chủ dự án không được phép thu hút đầu tư vào Cụm công nghiệp.

**1.6.** Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Tổng diện tích: 745.902,8 m<sup>2</sup>.

- Công suất của hệ thống xử lý tập trung module 1: 1.100 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

**2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

**2.1.** Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**2.2.** Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**2.3.** Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**2.4.** Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ CTCP:

**1.** Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

**2.** Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ CTCP có trách nhiệm:

**2.1.** Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

**2.2.** Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

**2.3.** Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

**2.4.** Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

**2.5.** Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** (kể từ ngày ký ban hành Giấy phép này).

**Điều 4.**

Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác của các thông tin, số liệu liên quan đến việc cấp phép cho Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ CTCP thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án nêu trên.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Chơn Thành tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Giao Sở Thông tin và Truyền thông đăng công khai nội dung Giấy phép môi trường này lên Cổng thông tin điện tử tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Thủy lợi;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 4; Sở Công Thương;
- Cổng thông tin điện tử;
- Công ty TNHH MTV Khai thác Thủy lợi Miền Nam;
- Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ CTCP;
- LĐ VP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT<sub>(BH-23-GPMT-16/12)</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phụ lục 1**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC**  
**VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,**  
**XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...../GPMT-UBND  
ngày ... tháng ... năm 2024 của UBND tỉnh Bình Phước)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**

**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà điều hành Cụm công nghiệp.
- Nguồn số 02: Nước thải của các dự án thứ cấp trong Cụm công nghiệp (đã được xử lý sơ bộ đảm bảo giới hạn tiếp nhận của chủ đầu tư hạ tầng).

Nguồn số 01 và nguồn số 02 nhập chung vào hệ thống xử lý nước thải tập trung module 1 công suất 1.100 m<sup>3</sup>/ngày.đêm xả ra 01 điểm xả.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**

**2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:** Suối Dàm Gió sau đó chảy tiếp nối khoảng 1,0 km ra vùng bán ngập hồ thủy lợi Phước Hòa.

**2.2. Vị trí xả nước thải:**

- Suối Dàm Gió thuộc ấp 6, xã Nha Bích, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1267291,48, Y = 551986,56 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106<sup>0</sup>15', múi chiếu 3<sup>0</sup>).

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo rõ ràng, có sản công tác thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

**2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 1.100 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.**

**2.3.1. Phương thức xả nước thải:** Nước thải sau xử lý chảy ra mương quan trắc, sau đó thoát theo đường ống thép D200, dài khoảng 265 m được đi luôn trong cống thoát nước mưa bê tông cốt thép B2500 x 2000 đến điểm tiếp nhận tại suối Dàm Gió theo phương thức tự chảy, xả mặt, ven bờ.

**2.3.2. Chế độ xả nước thải:** Liên tục (24 giờ/ngày.đêm).

**2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A (k<sub>q</sub> = 0,9; k<sub>f</sub> = 1,0) cụ thể như sau:**

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT, (cột A, $k_q = 0,9$ và $k_f = 1,0$ )	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	°C	40	03 tháng/lần	Phải thực hiện lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đôi với các thông số: Lưu lượng đầu vào và đầu ra, pH, nhiệt độ, TSS, COD, amoni
2	Màu	Pt/Co	50		
3	pH	-	6 đến 9		
4	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	27		
5	COD	mg/l	67,5		
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	45		
7	Asen	mg/l	0,045		
8	Thủy ngân	mg/l	0,0045		
9	Chì	mg/l	0,09		
10	Cadimi	mg/l	0,045		
11	Crom (VI)	mg/l	0,045		
12	Crom (III)	mg/l	0,18		
13	Đồng	mg/l	1,8		
14	Kẽm	mg/l	2,7		
15	Niken	mg/l	0,18		
16	Mangan	mg/l	0,45		
17	Sắt	mg/l	0,9		
18	Tổng xianua	mg/l	0,063		
19	Tổng phenol	mg/l	0,09		
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,5	01 lần/năm	
21	Sunfua	mg/l	0,18		
22	Florua	mg/l	4,5		
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,5		
24	Tổng nitơ	mg/l	18	03 tháng/lần	
25	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	3,6		
26	Clorua (không áp dụng khi xả vào nguồn nước mặn, nước lợ)	mg/l	450		
27	Clo dư	mg/l	0,9	01 lần/năm	
28	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,045		
29	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/l	0,27		
30	Tổng PCB	mg/l	0,0027	03 tháng/lần	
31	Coliform	vi khuẩn/ 100 ml	3.000		

32	Tổng hoạt độ phóng xạ $\alpha$	Bq/l	0,1		
33	Tổng hoạt độ phóng xạ $\beta$	Bq/l	1,0		

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):**

**1.1.** Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn (dung tích 10 m<sup>3</sup>), kết cấu: bê tông cốt thép chống thấm, sau đó được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung module 1 công suất 1.100 m<sup>3</sup>/ngày.đêm bằng đường ống HDPE.

- Nguồn số 2: Nước thải từ các nhà máy thứ cấp phải được thu gom, xử lý sơ bộ tại từng nhà máy đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Cụm công nghiệp.

#### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:**

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí 1, 2 → Bể lắng sinh học → Bể phản ứng A, B → Bể lắng hóa lý → Bể khử trùng → Bồn lọc cát → Bể chứa nước sau xử lý → Mương quan trắc → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế hệ thống của module 1: 1.100 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải: Polymer, chlorine, PAC (hoặc các hóa chất tương đương có trong danh mục được phép lưu hành tại Việt Nam).

#### **1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

Phải hoàn thành lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (có camera theo dõi và thiết bị lấy mẫu tự động) theo quy định và kết nối, truyền số liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước, Cục Thủy lợi và Công ty TNHH MTV Khai thác Thủy lợi Miền Nam chậm nhất là ngày 31/12/2024, cụ thể:

- Vị trí lắp đặt: 01 vị trí tại mương quan trắc nước thải.

- Thông số quan trắc lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), nhiệt độ, pH, COD, TSS, amoni.

- Thiết bị lấy mẫu tự động lắp đặt: 01 bộ.

- Camera theo dõi: 01 bộ.

- Kết nối, truyền số liệu: Dữ liệu phải được truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước, Cục Thủy lợi và Công ty TNHH MTV Khai thác

Thủy lợi Miền Nam để theo dõi, giám sát theo quy định.

**1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

**1.4.1. Công trình ứng phó sự cố:** Xây dựng 01 hồ dự phòng ứng phó sự cố dung tích khoảng 8.500 m<sup>3</sup> (kích thước: D x R x S = 40 m x 25 m x 8,5 m), đáy hồ và thành hồ được lót HDPE, xây đá hộc xung quanh.

**1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thiết bị thay thế.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật đáp ứng về chuyên môn, vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải bằng đường ống, tránh tình trạng tắc nghẽn. Trường hợp nước thải đầu ra không đáp ứng quy định hoặc hệ thống gặp sự cố, nước thải được bơm vào hồ sự cố để lưu chứa, sau khi khắc phục, hệ thống hoạt động ổn định, Chủ dự án bơm nước thải từ hồ sự cố về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

**2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

**2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:** Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

**2.2. Công trình, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm:** Hệ thống xử lý nước thải giai đoạn 1, công suất 1.100 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

**2.2.1. Vị trí lấy mẫu:**

- 01 mẫu đầu vào tại bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải module 1.

- 01 mẫu đầu ra tại mương quan trắc của hệ thống xử lý nước thải module 1.

**2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:** Trong quá trình vận hành thử nghiệm, phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo các thông số quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

**2.2.3. Tần suất lấy mẫu:** Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:** Các yêu cầu đối với Chủ dự án:

**3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án phải đảm bảo xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A ( $k_q = 0,9$  và  $k_f = 1,0$ ) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi thải vào nguồn tiếp nhận.**

**3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, thoát nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.**

**3.3.** Đảm bảo bố trí đủ nhân lực, nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

**3.4.** Trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

**3.5.** Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

**3.6.** Phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục và truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước, Cục Thủy lợi và Công ty TNHH MTV Khai thác Thủy lợi Miền Nam (theo đề nghị tại Công văn số 1392/TL-BVCT ngày 23/9/2024 và Công văn số 1629/TL-BVCT ngày 31/10/2024 của Cục Thủy lợi; Công văn số 332/TLMN-QLN ngày 05/8/2024 của Công ty TNHH MTV Khai thác Thủy lợi Miền Nam) chậm nhất là ngày 31/12/2024. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Trường hợp hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đã đáp ứng các yêu cầu theo quy định, Dự án được miễn thực hiện quan trắc nước thải công nghiệp định kỳ đối với các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục.

**3.7.** Triển khai kịp thời các biện pháp ứng cứu, khắc phục sự cố môi trường do hoạt động xả thải gây ra và báo cáo kịp thời cho Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thủy lợi, Công ty TNHH MTV Khai thác Thủy lợi Miền Nam và cơ quan chức năng của địa phương để hỗ trợ phối hợp cùng giải quyết.

**3.8.** Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom nước thải từ các nhà đầu tư thứ cấp trong Cụm công nghiệp để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra ngoài môi trường; chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

**3.9.** Đối với các nội dung liên quan đến việc xả nước thải sau xử lý vào công trình thủy lợi hồ Phước Hòa, yêu cầu Chủ dự án thực hiện đầy đủ các nội



dung yêu cầu tại Công văn số 1392/TL-BVCT ngày 23/9/2024 và Công văn số 1629/TL-BVCT ngày 31/10/2024 của Cục Thủy lợi; Công văn số 332/TLMN-QLN ngày 05/8/2024 của Công ty TNHH MTV Khai thác Thủy lợi Miền Nam và phải chịu trách nhiệm nếu không thực hiện đầy đủ các yêu cầu sau khi Giấy phép môi trường được cấp.

**Phụ lục 2**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...../GPMT-UBND*  
*ngày ... tháng ... năm 2024 của UBND tỉnh Bình Phước)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 1: Máy bơm phục vụ cho khu vực trạm xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 2: Máy phát điện dự phòng.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Vị trí nguồn số 1: Máy bơm phục vụ cho khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án, tọa độ: X = 1267304; Y = 552059.

- Vị trí nguồn số 2: Máy phát điện dự phòng, tọa độ: X = 1267354; Y = 552062.

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 106<sup>0</sup>15', múi chiều 3<sup>0</sup>)

**3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:**

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

Các yêu cầu đối với Chủ dự án:

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với máy thổi khí, máy bơm đặt trong nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông và đặt trong khu vực cách âm,

từ đó giảm thiểu tiếng ồn, độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:** Các yêu cầu đối với Chủ dự án:

**2.1.** Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

**2.2.** Có kế hoạch thường xuyên trong việc theo dõi, bảo trì (kiểm tra độ mòn chi tiết, thường xuyên tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng, kiểm tra sự cân bằng của động cơ).

**2.3.** Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

**2.4.** Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**Phụ lục 3**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...../GPMT-UBND*  
*ngày ... tháng ... năm 2024 của UBND tỉnh Bình Phước)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

TT	Loại chất thải nguy hại	Mã chất thải nguy hại	Đặc tính	Đơn vị	Khối lượng
1	Mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất) thải	08 02 01	Rắn	Kg/ngày	0,3
2	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ các quá trình xử lý nước thải công nghiệp khác	12 06 06	Bùn	Kg/ngày	378
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	Kg/ngày	0,2
4	Bao bì mềm (đã chứa chất khí thải ra là chất thải nguy hại) thải	18 01 01	Rắn	Kg/ngày	01
5	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khí thải ra là chất thải nguy hại) thải	18 01 02	Rắn	Kg/ngày	01
6	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khí thải ra là chất thải nguy hại) thải	18 01 03	Rắn	Kg/ngày	01
7	Bao bì cứng (đã chứa chất khí thải ra là chất thải nguy hại) thải bằng các vật liệu khác	18 01 04	Rắn	Kg/ngày	02
8	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	Kg/ngày	0,3
<b>Tổng khối lượng</b>					<b>383,8</b>

**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:**

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/tháng)
1	Rác lá, cành cây	50
2	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	20
3	Các dây cáp điện hỏng, sứ cách điện cũ, rơ le hỏng	4
4	Bùn thải và vật liệu lọc thải bỏ từ hệ thống xử lý nước cấp	1.339,2
<b>Tổng khối lượng</b>		<b>1.413,2</b>

**1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:**

STT	Khu vực phát sinh	Khối lượng (kg/ngày)
1	Chất thải sinh hoạt	12,8
<b>Tổng khối lượng</b>		<b>12,8</b>

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:****2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

**2.1.1. Thiết bị lưu chứa:** Thùng chứa bằng nhựa HDPE (08 thùng chứa) dung tích 30 - 120 lít, có nắp đậy, dán nhãn.

**2.1.2. Kho lưu chứa:** Đặt tại khu hạ tầng kỹ thuật của Cụm công nghiệp.

- Diện tích kho: 20 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho có tường gạch xây bao, lợp mái tôn, nền chống thấm, có gờ chống tràn, có dán biển cảnh báo, bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy, rãnh và hố thu gom chất thải dạng lỏng, bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại bằng nhựa HDPE, mỗi thùng có nắp đậy và dán mã số chất thải nguy hại... theo đúng quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

**2.2.1. Thiết bị lưu chứa:** Thùng chứa bằng nhựa HDPE, có nắp đậy, dung tích 120 lít.

**2.2.2. Kho lưu chứa:** Đặt tại khu hạ tầng kỹ thuật của Cụm công nghiệp.

- Diện tích kho: 20 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho có tường gạch xây bao, lợp mái tôn, nền chống thấm, có dán biển cảnh báo, bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy... theo đúng quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

**2.3.1. Thiết bị lưu chứa:** Thùng chứa bằng nhựa HDPE, dung tích 120 lít, có nắp đậy.

**2.3.2. Kho lưu chứa:** Đặt tại khu hạ tầng kỹ thuật của Cụm công nghiệp.

- Diện tích kho: 20 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho có tường gạch xây bao, lợp mái tôn, nền chống thấm, có dán biển cảnh báo... theo đúng quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:**

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

Các yêu cầu đối với Chủ dự án:

**1.** Thực hiện các yêu cầu về phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại và mẫu chứng từ chất thải nguy hại theo các quy định tại Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**2.** Xây dựng thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

**3.** Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

**4.** Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó với sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

**Phụ lục 4**  
**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...../GPMT-UBND*  
*ngày ... tháng ... năm 2024 của UBND tỉnh Bình Phước)*

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

Các hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường thuộc giai đoạn 2 của Dự án (đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3144/QĐ-UBND ngày 11/12/2020) mà Chủ dự án đầu tư tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường, bao gồm các nội dung như sau:

**1. Quy mô Dự án:** Dự án tiếp tục hoạt động cho thuê đất trong Cụm công nghiệp để hoạt động sản xuất công nghiệp với các ngành nghề nêu tại mục 1.5 của Giấy phép môi trường này trong khu đất có diện tích khoảng 745.902,8 m<sup>2</sup> thuộc địa bàn xã Nha Bích, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

**2. Công nghệ của Dự án:** Vận hành, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

**3. Các hạng mục công trình sẽ lắp đặt, thi công xây dựng trong giai đoạn 2:**

Khi Cụm công nghiệp lấp đầy với tỷ lệ khoảng 40% tổng diện tích của Dự án, Chủ dự án phải tiến hành xây dựng hệ thống xử lý nước thải module 2, công suất 1.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Tổng công suất hệ thống xử lý nước thải toàn Dự án là 2.100 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể phản ứng → Bể lắng hóa lý → Bể lọc cát → Bể chứa nước sau xử lý → Bể khử trùng → Trạm quan trắc → Nước thải đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp ( $k_q = 0,9$ ;  $k_f = 1,0$ ) thải vào nguồn tiếp nhận.

Đối với các hạng mục công trình của hệ thống xử lý nước thải module 2, công suất 1.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm được Chủ dự án xây dựng mới hoàn toàn, độc lập với hệ thống xử lý nước thải module 1. Đối với hạng mục mương quan trắc nước thải sẽ được dùng chung cho cả 02 giai đoạn của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp.

**4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của giai đoạn 2:**

**4.1. Công trình thu gom, thoát nước mưa; công trình thu gom, xử lý nước thải; công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất**

thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại; biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác; công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường đã hoàn thành ở giai đoạn 1 và sẽ được tiếp tục sử dụng ở giai đoạn 2.

#### **4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường:**

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ Dự án phải đảm bảo xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A ( $k_q = 0,9$  và  $k_f = 1,0$ ) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi thải vào nguồn tiếp nhận.

- Thu gom, lưu trữ, quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Tuân thủ các quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn kỹ thuật môi trường khác có liên quan.

**5.** Sau khi đã hoàn thành các hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường thuộc giai đoạn 2 của Dự án, Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các thủ tục về môi trường cho giai đoạn 2 của Dự án theo đúng quy định pháp luật.

### **D. CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ MÔI TRƯỜNG**

**1.** Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

**2.** Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp cải thiện hiệu quả sản xuất.

**3.** Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

**4.** Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy.

**5.** Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định pháp luật.

**6.** Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

**7.** Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Chủ dự án



chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải, công trình xây dựng của Dự án.

**8.** Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định tại Điều 140 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 130 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

**9.** Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 52 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 1 Điều 49 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

**10.** Trường hợp Dự án có hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu thông thường thì Chủ dự án phải thực hiện các quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 64 Luật Khoáng sản và các quy định của pháp luật có liên quan.

**11.** Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

**12.** Chủ dự án chỉ được phép tiếp nhận vào Cụm công nghiệp các Dự án đầu tư thuộc những ngành nghề như đã đăng ký trong Giấy phép môi trường đã được cấp phép. Đối với các ngành nghề công nghiệp hỗ trợ phải đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 3 Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ. Trường hợp có nguyện vọng thu hút các dự án thuộc những ngành nghề khác với ngành nghề đã đăng ký trong Giấy phép môi trường đã được cấp vào Cụm công nghiệp, Chủ dự án phải báo cáo UBND tỉnh Bình Phước và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh Bình Phước.

**13.** Phải đảm bảo toàn bộ diện tích thực hiện Cụm công nghiệp theo đúng quy định tại Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp; Quyết định số 1210/QĐ-UBND ngày 03/6/2020 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 02/3/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

**14.** Thực hiện các nội dung khác theo đúng quy định của pháp luật hiện hành./.